

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS CẢNG ĐÀ NẴNG



QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/QĐ-HĐQT.DNL, ngày 25/12/2024
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng)



Đà Nẵng, tháng 12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS
CẢNG ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS CẢNG ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/QĐ-HĐQT.DNL, ngày 25/12/2024
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc quản lý tài chính của Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng và hướng dẫn, điều chỉnh các hoạt động quản lý tài chính của toàn hệ thống Công ty, bao gồm:

- Quản lý, sử dụng vốn và tài sản;
- Quản lý doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ;
- Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và công khai tài chính.

2. Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện theo Điều lệ, Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- “Công ty” là Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng;
- “Điều lệ” là Điều lệ Công ty;
- “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty;
- “Giám đốc” là Giám đốc của Công ty;
- “Đơn vị phụ thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, không phải là pháp nhân theo quy định của pháp luật.
- “Đầu tư vốn ra ngoài Công ty” là hoạt động dùng vốn, tài sản của Công ty để đầu tư, góp vốn ra ngoài Công ty như: góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; góp vốn thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới; mua cổ phần tại công ty cổ phần, mua phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; mua toàn bộ doanh nghiệp khác; mua công

trái, trái phiếu.

8. “Vốn huy động của Công ty” là số vốn Công ty huy động dưới các hình thức: phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của Công ty; vay của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Công ty; và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

9. “Tài sản của Công ty” là các loại tài sản hữu hình và tài sản vô hình thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty được hình thành từ vốn do các cổ đông đầu tư, vốn huy động và các nguồn vốn khác tại Công ty được phản ánh trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm nhất định (không bao gồm tài sản đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi).

10. “Doanh nghiệp khác” là doanh nghiệp ngoài Công ty mẹ - Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã hoặc các Luật tương ứng.

11. “Quy chế này” là Quy chế Quản lý tài chính của Công ty.

12. Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

Quản lý tài chính của Công ty được thực hiện trên những nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ các quy định quản lý tài chính của Nhà nước, Điều lệ của Công ty;
2. Thực hiện quyền quản lý tài chính bằng việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính trong toàn Công ty trong việc tuân thủ các quy định của Quy chế này;
3. Đảm bảo mọi hoạt động tài chính của Công ty được kiểm soát chặt chẽ;
4. Đảm bảo tính minh bạch, tính công khai;
5. Mọi phân cấp thẩm quyền quyết định tài chính phải phù hợp với Điều lệ của Công ty;
6. Mọi hành vi gây tổn thất về vốn; thiệt hại, hư hỏng tài sản hoặc sử dụng vốn, tài sản sai mục đích, đối tượng đều phải chịu trách nhiệm vật chất trừ trường hợp bất khả kháng và các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Vốn của Công ty

1. Vốn của Công ty bao gồm: vốn do các cổ đông đầu tư tại Công ty, vốn do Công ty huy động, tích lũy và vốn từ các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Điều chỉnh tăng vốn điều lệ trong các trường hợp sau:

- Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả cổ tức;
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần (nếu có);
- Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
- Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

4. Điều chỉnh giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
- Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ cần đảm bảo Công ty hoạt động bình thường và chỉ được thực hiện khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải tuân thủ đầy đủ theo các quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc sử dụng vốn

1. Quyền của Công ty trong việc sử dụng vốn:

- a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn của Công ty để sản xuất kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn của Công ty;
- b) Công ty được quyền chủ động sử dụng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- c) Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng; thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Công ty được thực hiện điều chuyển vốn giữa các đơn vị phụ thuộc theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cao nhất;
- e) Công ty thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty trong sử dụng vốn:

- a) Có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả, tối ưu hóa lợi nhuận từ các nguồn vốn, đất đai, các nguồn lực khác do các cổ đông đầu tư, các nguồn vốn huy động;
- b) Công ty chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của cổ đông, những người có liên quan như các chủ nợ, khách hàng, người lao động, và các bên liên quan khác mà Công ty đã cam kết;
- c) Công ty thực hiện xây dựng phương án, kế hoạch đầu tư; kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty theo quy định của

pháp luật;

d) Công ty có các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Huy động vốn

1. Công ty được quyền huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi cho chủ nợ theo cam kết.

2. Các hình thức huy động vốn:

- Các hình thức tăng vốn điều lệ được quy định tại Khoản 3 Điều 4 quy chế này;

- Phát hành trái phiếu;

- Vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân tổ chức ngoài Công ty;

- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Nguyên tắc và giới hạn huy động vốn:

a) Việc huy động vốn phải căn cứ kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty và có phương án được phê duyệt theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Khoản 4 Điều này trên nguyên tắc phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ. Người phê duyệt và người triển khai thực hiện phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả.

b) Việc vay vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất vay vốn thực hiện theo lãi suất thị trường theo hợp đồng vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng. Trường hợp vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế thì mức lãi suất vay tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn; trường hợp Công ty mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản giao dịch.

c) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo các quy định của pháp luật về vay trả nợ nước ngoài.

d) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để phục vụ cho ngành nghề kinh doanh chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

e) Công ty không vay vốn để đầu tư vào các lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ đầu tư, bất động sản, tài chính.

f) Tổng vốn huy động dưới mọi hình thức mà pháp luật cho phép thực hiện phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo báo cáo tài

chính của Công ty tại thời điểm gần nhất) không được vượt quá 3 lần tại thời điểm huy động vốn. Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

- Nợ phải trả bao gồm: Chỉ tiêu “Nợ phải trả” trên bảng cân đối kế toán của Công ty (không bao gồm chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng phúc lợi”).

Trường hợp tổng số vốn huy động và tổng giá trị các khoản bảo lãnh đang còn hiệu lực của Công ty tại thời điểm vay, huy động vốn làm cho hệ số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của Công ty thì người ký quyết định, hợp đồng vay vốn phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, pháp luật theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Hội đồng quản trị:

- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và số lượng cổ phần phát hành theo từng loại trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

- Thông qua hợp đồng vay vốn có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định);

- Quyết định vay vốn có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b) Giám đốc:

- Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định vay vốn có giá trị nhỏ hơn 5% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc 5 tỷ đồng tùy thuộc vào giá trị nào nhỏ hơn;

- Thông qua hợp đồng vay vốn có giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc 10 tỷ đồng tùy thuộc vào giá trị nào nhỏ hơn (Sau khi được Hội đồng quản trị quyết định).

5. Thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều này phải tuân thủ nguyên tắc huy động và giới hạn huy động vốn được quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư vào các doanh nghiệp khác ngoài Công ty.

- Việc đầu tư vốn của Công ty vào doanh nghiệp khác tuân thủ theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế tài chính của doanh nghiệp được đầu tư, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty, đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập cho Công ty, phù hợp với từng dự án đầu tư, tránh dàn trải, lãng phí, thất thoát và phải thực hiện công khai, minh bạch. Trường hợp đầu tư vốn ra ngoài Công ty nếu có liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp

luật về đất đai.

- Công ty không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.

- Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty gồm:

a) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;

b) Góp vốn thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới.

c) Mua cổ phần tại các công ty cổ phần, mua phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động.

d) Mua toàn bộ doanh nghiệp khác.

e) Mua công trái, trái phiếu.

f) Các hình thức đầu tư khác ra ngoài Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài Công ty:

Hội đồng quản trị quyết định các khoản đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc có trách nhiệm đề xuất chủ trương, xây dựng phương án đầu tư ra ngoài Công ty báo cáo Hội đồng quản trị xem xét quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này. Phương án/dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cần nêu rõ nhưng không hạn chế những nội dung sau: mục tiêu đầu tư, cơ sở pháp lý, nội dung và hình thức đầu tư, tính toán hiệu quả đầu tư, nguồn vốn đầu tư, kế hoạch tiến độ đầu tư, giải pháp tổ chức thực hiện đầu tư. Phương án đầu tư trình phê duyệt cần kèm theo, nhưng không hạn chế các hồ sơ tài liệu sau: thuyết minh dự án đầu tư, phương án thành lập doanh nghiệp (nếu có), dự thảo hợp đồng liên doanh, liên kết, thỏa thuận hợp tác đầu tư (nếu có), thông tin về doanh nghiệp dự kiến đầu tư, đối tác hợp tác đầu tư, báo cáo tài chính của các bên có liên quan.

5. Việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty hoặc Công ty đầu tư vốn vào các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ngành nghề ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Công ty mua lại tài sản hoặc góp vốn bằng tài sản (bao gồm cả tài sản đã sử dụng hoặc chưa sử dụng) thì phải thực hiện việc đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chuyển nhượng, thu hồi vốn đầu tư ra ngoài Công ty

1. Việc nhượng bán các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định việc nhượng bán, thu hồi các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty thực hiện theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này (theo nguyên tắc cấp nào có thẩm quyền quyết định đầu tư thì cấp đó sẽ quyết định việc nhượng bán, thu hồi các khoản đầu tư).

3. Trường hợp khi chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Công ty nhưng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty thì Hội đồng quản trị Công ty phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Điều 9. Quản lý các khoản nợ phải trả

Công ty và các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm:

- a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả.
- b) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn theo hợp đồng hoặc cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ để có giải pháp thanh toán nợ kịp thời, để tránh phát sinh các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của Công ty.
- c) Định kỳ thực hiện xác nhận, đối chiếu các khoản nợ phải trả với chủ nợ.
- d) Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ được xử lý theo pháp luật hiện hành.
- e) Mở sổ theo dõi thường xuyên hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, báo cáo hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu định kỳ hàng tháng cho Giám đốc và Hội đồng quản trị để Giám đốc và Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét quyết định các khoản vay, bảo lãnh, hoặc huy động vốn khác.

Điều 10. Bảo toàn vốn tại Công ty

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã góp vào Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn điều lệ phải thực hiện báo cáo Đại hội đồng cổ đông để theo dõi, giám sát.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm, Công ty phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua các chỉ tiêu giám sát bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

2. Việc bảo toàn vốn tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư tài sản tại doanh nghiệp, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động, việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả theo các quy định hiện hành.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Dự phòng các khoản phải thu khó đòi; Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính; Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

* Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng:

- Các khoản dự phòng nêu trên được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo cho Công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm tiếp theo.

- Công ty phải xây dựng cụ thể các quy định về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý công nợ để hạn chế các rủi ro trong kinh doanh; Xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc theo dõi, quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ.

- Không được lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không đúng quy định nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách.

- Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng rủi ro được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đang có hiệu lực tại thời điểm trích lập.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

3. Việc trích lập các khoản dự phòng do Giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Điều 11. Tài sản của Công ty

Tài sản của Công ty bao gồm tài sản dài hạn (bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, lợi thế thương mại và các tài sản dài hạn khác), tài sản ngắn hạn (bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho và các tài sản ngắn hạn khác) và các tài sản khác mà Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với tài sản

1. Quyền đối với tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng và quản lý các tài sản của Công ty để đầu tư và phát triển kinh doanh, kể cả đầu tư ra ngoài Công ty;

c) Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ đối với tài sản:

a) Chịu trách nhiệm bảo toàn và quản lý, sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty;

b) Thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm quản lý tài sản thuộc đơn vị mình đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh để tài sản lãng phí, ứ đọng, thất thoát, kém phẩm chất.

Điều 13. Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định

1. Quản lý vốn trong quá trình đầu tư (từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đến khi quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng) phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và Điều lệ Công ty.

2. Giám đốc Công ty, Giám đốc đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi vấn đề phát sinh trong hoạt động xây dựng và số liệu, tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động xây dựng, báo cáo tài chính, quyết toán vốn đầu tư các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành, các công trình sửa chữa lớn. Giám đốc Công ty, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc tự thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động đầu tư theo quy định của Nhà nước.

3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo Điều lệ, quy chế và pháp luật hiện hành.

4. Phân cấp thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo quy định sau:

a) Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị quyết định các khoản đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nhưng không vượt quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định về đầu tư xây dựng của Nhà nước.

- Hội đồng quản trị tổ chức lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định đối với các dự án nhóm A theo quy định về đầu tư xây dựng của Nhà nước, các khoản đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b) Giám đốc:

- Giám đốc tổ chức lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ để trình Hội đồng quản trị quyết định đối với khoản đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nhưng không vượt quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định về đầu tư xây dựng của Nhà nước.

- Giám đốc quyết định (các quyền của người quyết định đầu tư và Chủ đầu tư) và báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định có giá trị đến 1 tỷ đồng và nằm trong kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định hình thành dự án đầu tư nằm ngoài kế hoạch, Giám đốc trình chủ trương dự án để Hội đồng quản

trị xem xét, phê duyệt. Sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương, các bước tiếp theo của dự án được thực hiện theo quy định tương tự đối với các dự án nằm trong kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Giám đốc được quyết định đối với các khoản mua sắm tài sản cố định không hình thành dự án đầu tư phát sinh đột xuất theo yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, nằm ngoài kế hoạch đã duyệt có giá trị tối đa 100 triệu đồng/1 tài sản và tổng giá trị trong 1 năm dưới 2 tỷ đồng, đồng thời báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị.

- Đối với các dự án đầu tư có giá trị đầu tư lớn hơn 1 tỷ đồng, nếu có nhiều hạng mục (gói thầu) trong dự án thì những hạng mục có giá trị nhỏ hơn 1 tỷ đồng được giao cho Giám đốc quyết định (làm chủ đầu tư) và báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị.

c) Cấp nào quyết định đầu tư, sẽ quyết định các nội dung đầu tư theo trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định, đồng thời sẽ ra quyết định quyết toán vốn hoàn thành dự án.

5. Đối với các giao dịch với các đối tượng liên quan phải tuân thủ theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Khấu hao tài sản cố định

1. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao, trừ những tài sản cố định sau:

a) Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) Tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất;

c) Tài sản cố định khác do Công ty quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của Công ty (trừ tài sản cố định thuê tài chính);

d) Tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty;

e) Tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của Công ty (trừ các tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại Công ty như: Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do Công ty đầu tư xây dựng).

f) Tài sản cố định từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho Công ty để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

g) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp.

2. Việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

3. Giám đốc Công ty quyết định mức trích khấu hao cụ thể, phù hợp với quy định của Công ty và của Bộ Tài chính.

4. Tài sản cố định cho thuê, cầm cố, thế chấp phải được trích khấu hao theo chế độ quy định và phải theo dõi, thu hồi tài sản khi hết hạn cho thuê.

5. Thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định:

Trường hợp Công ty muốn xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định mới và tài sản cố định đã qua sử dụng khác so với khung thời gian trích khấu hao theo quy định hiện hành, Giám đốc phải lập phương án thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua trước khi xin ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính trên cơ sở giải trình rõ các nội dung sau:

- Tuổi thọ kỹ thuật của tài sản cố định theo thiết kế;
- Hiện trạng tài sản cố định (thời gian tài sản cố định đã qua sử dụng, thể hệ tài sản, tình trạng thực tế của tài sản);
- Ảnh hưởng của việc tăng, giảm khấu hao tài sản cố định đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và nguồn vốn trả nợ các tổ chức tín dụng.

Mỗi tài sản cố định chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao một lần trong quá trình sử dụng. Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định bảo đảm không vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tài sản cố định và không làm thay đổi kết quả kinh doanh của Công ty từ lãi thành lỗ hoặc ngược lại tại năm quyết định thay đổi.

Điều 15. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc sở hữu của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

3. Thẩm quyền phê duyệt cho thuê tài sản:

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án cho thuê tài sản với tổng giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị làm tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị trên 1 tỷ đồng đến dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.

c) Giám đốc quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có đến giá trị đến 1 tỷ đồng và phải thông báo cho HĐQT trước khi thực hiện tối thiểu 7 ngày.

4. Giá trị của tài sản cho thuê được xác định theo giá trị còn lại.

5. Đối với các giao dịch với các đối tượng liên quan phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Sửa chữa tài sản cố định

Hàng năm, Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị phụ thuộc xây dựng kế hoạch sửa chữa tài sản cố định trình Giám đốc Công ty phê duyệt.

Giám đốc xây dựng kế hoạch sửa chữa cơ khí, công trình hằng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt trong Quý 1 của năm tiếp theo. Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sửa chữa giao Giám đốc căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Việc sửa chữa tài sản cố định phải có phương án và dự toán kỹ thuật được duyệt theo phân cấp của Giám đốc. Việc mua sắm thiết bị, vật tư để sửa chữa tài sản cố định thực hiện theo các quy định về mua sắm tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, công cụ lao động đã nêu trong Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 17. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định phải lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán. Hội đồng quản trị/ Giám đốc quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán theo phân cấp hoặc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

3. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Hội đồng quản trị quyết định các khoản thanh lý tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản hoặc 10 tỷ đồng được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b) Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có nguyên giá đến 1 tỷ đồng được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và đảm bảo điều kiện tỷ lệ Giá trị còn lại/ Nguyên giá của tài sản thanh lý dưới 20%.

4. Đối với các giao dịch với các đối tượng liên quan phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Điều lệ Công ty.

5. Việc nhượng bán tài sản gắn liền với đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Việc hạch toán khoản thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Quản lý hàng tồn kho

1. Việc quản lý hàng tồn kho phải thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Kết thúc năm tài chính, Công ty phải thực hiện kiểm kê, phân loại và đánh giá hàng tồn kho để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Giám đốc Công ty, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc chịu trách nhiệm chỉ đạo Công ty, các đơn vị phụ thuộc xây dựng định mức hàng tồn kho của đơn vị mình và thực hiện đúng các quy định của pháp luật và quy định của Công ty, không để xảy ra tình trạng vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa bị tồn kho, ứ đọng, thất thoát, kém phẩm chất.

3. Công ty có quyền và trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, lạc hậu môđ, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

4. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 19. Mua sắm hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ và công cụ lao động dùng cho sản xuất kinh doanh

1. Hàng năm, các phòng ban, đơn vị phụ thuộc xây dựng kế hoạch mua sắm hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Giám đốc phê duyệt và gửi Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát. Giám đốc quyết định mua sắm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phân cấp cho Giám đốc các đơn vị phụ thuộc thực hiện mua sắm nguyên vật liệu theo quy định của Công ty. Giám đốc phê duyệt và ban hành chi tiết quyết định về việc ban hành quy định về công tác mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất và sửa chữa.

2. Thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng mua sắm hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh:

a) Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng mua bán vật tư nguyên liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b) Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định việc mua sắm hàng hoá, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Đối với các giao dịch với các đối tượng liên quan phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Thuê công cụ dụng cụ, thiết bị, cơ sở hạ tầng dùng cho sản xuất kinh doanh và thuê dịch vụ tư vấn

1. Khi có nhu cầu, Công ty có thể thuê cơ sở hạ tầng, thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh và thuê dịch vụ tư vấn.

2. Thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng theo Khoản 1 Điều này như sau:

a) Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc 28 tỷ đồng tùy thuộc giá trị nào nhỏ hơn.

b) Giám đốc có trách nhiệm xây dựng phương án đi thuê trình Hội đồng quản trị phê duyệt đối với các khoản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

c) Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định các hợp đồng có giá trị đến 1 tỷ đồng.

3. Đối với các giao dịch với các đối tượng liên quan phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Quản lý các khoản nợ phải thu

Công ty và các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và

xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi nợ phải thu.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ quá hạn, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), thực hiện đối chiếu, xác nhận, đôn đốc thu hồi nợ. Hồ sơ của tất cả các khoản nợ phát sinh đều phải đảm bảo đủ điều kiện về mặt pháp lý theo quy định của Bộ luật Dân sự.

3. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ không có khả năng thanh toán. Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

4. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn và chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ là giá thỏa thuận. Phần chênh lệch do bán nợ phải thu (sau khi trừ phần bồi thường vật chất cá nhân, nếu có) được tính vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

5. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy chế này. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại Khoản này thì Hội đồng quản trị, Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, pháp luật theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Số nợ không có khả năng thu hồi sau khi trừ tiền thu hồi do bán nợ (nếu có) và tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty. Sau khi xử lý, Công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty.

6. Thẩm quyền xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi không thu hồi được thực hiện theo phân cấp quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy chế này về xử lý tổn thất tài sản.

Điều 22. Quản lý và sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Việc quản lý, sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phải dựa trên nguyên tắc tập trung, kịp thời, hiệu quả và tránh ứ đọng vốn.

Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng các quy định, định mức về quản lý, sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; xây dựng các quy định hạn mức số dư tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đảm bảo phù hợp các nguyên tắc trên và quy định của pháp luật hiện hành.

1. Quản lý tiền mặt tại quỹ:

- Tồn quỹ tiền mặt hàng ngày phải tuân thủ theo hạn mức được quy định tại Khoản 3 Điều này. Khi số tiền mặt tồn quỹ cuối ngày vượt quá hạn mức quy định, các đơn vị phụ thuộc phải nộp ngay về Công ty. Trường hợp phát sinh các khoản chi tiêu

đột xuất lớn hơn hạn mức cho phép (dự kiến sẽ phát sinh trong thời gian tối đa là 03 ngày làm việc tiếp theo), đơn vị được phép để số tiền tồn quỹ lớn hơn hạn mức để đáp ứng chi tiêu.

- Khi kết thúc quý, năm, phải thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt, lập biên bản và đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách.

2. Quản lý tiền gửi ngân hàng:

- Việc mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị phụ thuộc phải được sự đồng ý của Công ty. Công ty quyết định ngân hàng mở tài khoản giao dịch tại đơn vị phụ thuộc hoặc chấm dứt hoạt động giao dịch với ngân hàng đã mở tài khoản giao dịch tại đơn vị.

- Các đơn vị phụ thuộc phải xây dựng hạn mức tồn quỹ tiền gửi cuối ngày cho đơn vị mình để trình Giám đốc Công ty phê duyệt. Khi tổng số dư tiền gửi không kỳ hạn của đơn vị vượt quá hạn mức số dư tiền gửi ngân hàng cho phép, đơn vị phải chuyển ngay phần tiền vượt về tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

3. Xây dựng hạn mức số dư tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi tại ngân hàng:

Hàng năm, Văn phòng Công ty và các đơn vị phụ thuộc phải tiến hành xây dựng hạn mức số dư tồn quỹ tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt. Cụ thể:

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh, kế hoạch thu, chi tiền của năm kế hoạch và tình hình thu chi của năm trước, chậm nhất là ngày 15 tháng 01 của năm kế hoạch, các đơn vị phải đăng ký với Công ty hạn mức số dư tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng cho năm kế hoạch.

- Trên cơ sở đăng ký của các đơn vị, Giám đốc Công ty xem xét ra quyết định về hạn mức số dư tồn quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng cho các đơn vị chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch. Trong thời gian chờ quyết định của Công ty, đơn vị được áp dụng các định mức của năm trước để thực hiện.

Điều 23. Kiểm kê tài sản

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi:

- a) Khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;
- b) Khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu;
- c) Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do cần thiết khác.

2. Đối với tài sản thiếu, nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Thẩm quyền xử lý tài sản thiếu phát hiện trong kiểm kê tài sản được phân cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Quy chế này.

3. Đối với tài sản thừa, nếu không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu thì hạch toán vào thu nhập.

Điều 24. Xử lý tổn thất tài sản

1. Tổn thất tài sản:

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Xử lý tổn thất tài sản:

a) Khi phát sinh tổn thất về tài sản, Giám đốc phải thành lập Hội đồng xử lý tài sản tổn thất. Hội đồng xử lý tài sản tổn thất có trách nhiệm xem xét nguyên nhân, xác định trách nhiệm, mức bồi thường vật chất của từng cá nhân, tập thể để tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền phân cấp như sau:

- Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường đối với tài sản có giá trị nguyên giá nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định mức bồi thường đối với tài sản có giá trị nguyên giá đến 1 tỷ đồng.

- Việc xử lý tổn thất đối với tài sản cố định, giá trị được xác định theo giá trị còn lại đang được ghi nhận trên sổ kế toán hoặc do Hội đồng xử lý tổn thất tài sản căn cứ thực trạng của tài sản quyết định.

b) Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

c) Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

d) Những trường hợp tổn thất đặc biệt do thiên tai hoặc nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng thì Hội đồng quản trị lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông và cơ quan tài chính có thẩm quyền. Sau khi có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và cơ quan tài chính, Hội đồng quản trị quyết định việc xử lý và ủy quyền cho Giám đốc tổ chức thực hiện quyết định.

e) Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách trước Đại hội đồng cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

f) Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát, phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty quyết định mức bồi thường theo phân cấp. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu bồi thường được hạch toán vào thu nhập, chi phí khác của Công ty.

Điều 25. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu Công ty: Bán hoặc chuyển đổi sở hữu Công ty theo các hình thức khác.

c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 26. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu và thu nhập khác của Công ty bao gồm: doanh thu từ hoạt động kinh doanh thông thường, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập hợp pháp khác.

a) Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc:

- Doanh thu từ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty.
- Doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh, khai thác sử dụng cơ sở hạ tầng, đất đai và các tài sản gắn liền trên đất theo quy định;
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác.

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; cổ tức, lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con và đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ; các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

c) Thu nhập khác: là các khoản thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu tiền bồi thường bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại; các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

2. Điều kiện và thời điểm ghi nhận doanh thu thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 27. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí khác

1. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí hoạt động tài chính) và chi phí khác của Công ty. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ dụng cụ,...(chi phí vật tư) là giá trị của toàn bộ vật tư sử dụng thực tế cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí vật tư được xác định trên cơ sở mức tiêu hao thực tế và giá vật tư.

- Mức tiêu hao vật tư: Giám đốc Công ty chỉ đạo xây dựng định mức tiêu hao vật tư của các đơn vị phụ thuộc trình Hội đồng quản trị phê duyệt, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Các loại vật tư sử dụng vào sản xuất kinh doanh phải được quản lý chặt chẽ theo các định mức tiêu hao của Công ty đã ban hành trong các khâu: Dự trữ, cấp phát, sử dụng và thanh quyết toán.

- Giá vật tư:

+ Trường hợp vật tư mua ngoài:

- Giá mua ghi trên hóa đơn của người bán hàng (nếu vật tư nhập khẩu bằng ngoại tệ thì quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh), cộng (+) thuế nhập khẩu và các khoản thuế, phụ thu (nếu có) trừ (-) khoản chiết khấu thương mại, giảm giá do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, bảo hiểm, hao hụt trong định mức, tiền thuê kho bãi, phí gia công trước khi nhập kho (nếu có), phí chọn lọc, tái chế.

+ Trường hợp vật tư tự chế, gồm: Giá vật tư thực tế xuất kho đem gia công, cộng (+) chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tự chế.

+ Trường hợp vật tư thuê ngoài gia công chế biến, gồm: Giá vật tư thực tế xuất kho đem gia công cộng (+) chi phí gia công như chi phí vận chuyển, bốc xếp và tiền trả cho người gia công.

- Công cụ dụng cụ: Đối với công cụ, dụng cụ sử dụng cho quá trình kinh doanh căn cứ vào thời gian sử dụng và giá trị của công cụ, dụng cụ để phân bổ dần vào các khoản mục chi phí trong các kỳ kinh doanh theo tiêu thức phù hợp, thời gian phân bổ không quá 3 năm. Giá tiêu hao thực tế của công cụ dụng cụ được hạch toán vào chi phí vật tư sau khi trừ tiền đền bù của cá nhân, tập thể gây ra tiêu hao vượt định mức, giá trị phế liệu thu hồi và số tiền được giảm giá khi mua công cụ dụng cụ.

- Hàng năm, Công ty phải thực hiện đánh giá mức tiêu hao vật tư thực tế. Trường hợp phát sinh chênh lệch giữa mức tiêu hao vật tư thực tế so với định mức, Công ty phải phân tích xác định nguyên nhân. Nếu tiêu hao thực tế lớn hơn định mức

do nguyên nhân chủ quan thì người thực hiện phải bồi thường. Giám đốc quyết định mức bồi thường. Tiền bồi thường hạch toán vào thu nhập khác. Nếu mức tiêu hao thực tế thấp hơn định mức do có sáng kiến cải tiến mang lại hiệu quả (chất lượng sản phẩm làm ra vẫn đảm bảo theo quy định) thì người thực hiện được khen thưởng. Mức khen thưởng không vượt quá 50% giá trị vật tư tiết kiệm được trong năm. Giám đốc quyết định mức khen thưởng. Tiền thưởng được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh. Công ty phải thường xuyên rà soát lại định mức tiêu hao vật tư nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống định mức đã ban hành.

b) Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, tiền ăn giữa ca theo quy định của pháp luật, do Hội đồng quản trị Công ty quyết định và chịu trách nhiệm.

- Chi phí tiền lương bao gồm các khoản tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho người lao động tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội; tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ phụ trách, bán chuyên trách làm công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên nếu không được các tổ chức này trả lương hoặc chi trả một phần.

Tiền lương phải được quản lý chặt chẽ và chi đúng mục đích gắn với kết quả kinh doanh trên cơ sở các định mức lao động và đơn giá tiền lương hợp lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi ăn ca cho người lao động do Giám đốc quyết định phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh, mức chi hàng tháng cho mỗi người lao động không vượt quá mức theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

c) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn cho người lao động được tính theo quy định của pháp luật.

d) Chi phí khấu hao tài sản cố định được tính theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

e) Chi phí sửa chữa thường xuyên: là khoản chi phí thực tế phục vụ cho việc duy tu, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định nhằm đảm bảo, duy trì năng lực bình thường của tài sản cố định và đảm bảo cho việc vận hành an toàn.

f) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: là chi phí thực tế cho công việc sửa chữa, thay thế phụ tùng, máy móc và thiết bị phù hợp với công nghệ hiện tại nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trong năm theo số thực tế phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí theo quy định về phân bổ chi phí sửa chữa lớn (nếu có), nếu lỗi thì phân bổ một phần cho năm tiếp sau nhưng không quá hai năm tài chính. Chi phí sửa chữa lớn đối với tài sản cố định đặc thù (dây chuyền sản xuất, hệ thống máy móc điều khiển,...) theo chu kỳ thì được trích trước chi phí sửa

chữa lớn theo dự toán được duyệt vào chi phí sản xuất kinh doanh. Khi thực hiện sửa chữa lớn, nếu số thực chi lớn hơn số trích trước, phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí; nếu số thực chi nhỏ hơn số trích trước thì hạch toán giảm chi phí trong năm.

g) Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài là các khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm các khoản chi phí sau:

- Các khoản chi về điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tiền thuê kiểm toán, tiền thuê dịch vụ pháp lý, mua bảo hiểm tài sản,..;

- Các khoản chi hoa hồng đại lý, ủy thác phải thể hiện trong các hợp đồng đại lý, ủy thác và chỉ được hạch toán theo số phải chi và phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ. Đối với chi phí hoa hồng môi giới, Công ty phải xây dựng định mức chi và quy chế quản lý chi tiêu gắn liền với hiệu quả kinh tế do môi giới mang lại. Hoa hồng môi giới không áp dụng cho các đối tượng là đại lý bán hàng, khách hàng chỉ định, các chức danh quản lý và nhân viên trực tiếp làm nhiệm vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

- Tiền thuê tài sản cố định hoạt động theo hợp đồng nếu được trả một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê tài sản đó;

- Chi phí thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước do Hội đồng quản trị yêu cầu lấy ý kiến làm cơ sở trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có chứng từ hóa đơn theo chế độ quy định.

h) Chi phí dự phòng: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, các khoản dự phòng khác theo quy định của pháp luật.

i) Các khoản chi phí bằng tiền khác, bao gồm:

- Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài, phí chi trả dịch vụ môi trường và các loại thuế, phí khác Công ty phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Tiền thuê đất;

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động theo mức quy định của pháp luật hiện hành;

- Các khoản chi cho công tác đào tạo năng lực quản lý, tay nghề cho người lao động, chi đào tạo nâng cao, bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên do Giám đốc quyết định theo quy định hiện hành;

- Chi cho công tác y tế bao gồm các khoản chi cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước tính theo mức chi thực tế ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm xã hội và của người lao động;

- Thưởng sáng kiến cải tiến (gồm cả đề xuất cải tiến quản lý có lợi cho Công ty), thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư, năng lượng và tiết kiệm chi phí. Mức thưởng do Giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại

nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 1 năm và phải công bố công khai các quy chế thưởng;

- Các khoản chi thêm cho lao động nữ theo quy định của pháp luật;
- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí còn thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Công tác phí (bao gồm tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú) theo định mức do Giám đốc quyết định và công bố công khai để kiểm tra, giám sát.
- Chi phí tiếp tân, tiếp khách, hội họp gắn liền với hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh tế, mức chi do Giám đốc quyết định. Các khoản chi phải có chứng từ hợp lệ và được hạch toán theo chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với quy định tại các văn bản hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Chi phí bảo hộ lao động được hạch toán vào chi phí theo số thực chi trong phạm vi chế độ, định mức hiện hành;
- Các khoản chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chế thử sản phẩm mới, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo số thực chi. Đề tài nghiên cứu và dự toán chi phí nghiên cứu của từng đề tài phải được Công ty phê duyệt;
- Khoản chi về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành;
- Các khoản chi phí tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, làm nhà tình nghĩa theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Các khoản chi phí khác theo quy định.

3. Chi phí hoạt động tài chính:

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; tiền lãi phải trả do huy động vốn, chi phí cho vay, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí lãi thuê tài sản theo hình thức thuê tài chính; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính; các khoản chi phí hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí khác, bao gồm:

- a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản gồm cả giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý, nhượng bán;
- b) Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi được xác định bằng giá trị tài sản, số nợ phải thu ghi trên sổ kế toán trừ các khoản bồi thường cá nhân, tập thể có liên quan hoặc tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và phần đã bù đắp từ khoản dự phòng phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính.;
- c) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ kế toán;
- d) Chi phí để thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- e) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;
- f) Các chi phí khác phát sinh như chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong hoạt động kinh doanh như bão lụt, hỏa hoạn, cháy nổ....;

g) Chi phí của các năm trước bỏ sót chưa được ghi nhận;

h) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quản lý chi phí

1. Trên cơ sở định mức tiêu hao nguyên vật liệu và chi phí, hàng năm Công ty thực hiện lập kế hoạch giá thành sản phẩm, cụ thể :

- Các đơn vị phụ thuộc lập kế hoạch giá thành sản xuất của đơn vị.
- Phòng Tài chính Kế toán Công ty lập kế hoạch giá thành toàn bộ của Công ty.

2. Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý chủ yếu sau:

a) Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang thiết bị của Công ty. Các định mức, đơn giá phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy chế này.

b) Giám đốc có trách nhiệm xây dựng, ban hành các quy định, định mức quản lý đối với các khoản chi phí văn phòng, chi hoa hồng môi giới, giao dịch, tiếp khách, tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi, hội họp; các quy định về bán thanh lý tài sản, vật tư, hàng hóa; chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, vật tư, hàng hóa; các quy định khác liên quan đến việc quản lý chi phí.

3. Các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn, đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm:

Kiểm soát các khoản chi theo kế hoạch, định mức chi phí đã được phê duyệt. Trường hợp chi vượt mức khoán chi, định mức hoặc vượt kế hoạch chi phí:

- Đối với các khoản chi vượt mức khoán chi hoặc định mức phải tổng hợp báo cáo Giám đốc để xem xét, phê duyệt xử lý hoặc trình Hội đồng quản trị quyết định nếu vượt thẩm quyền.

- Đối với các khoản chi đã có định mức mà chi phí vượt kế hoạch do sản lượng, doanh số tăng hoặc khoản chi gắn với sản lượng, đơn giá theo hợp đồng mà chi phí vượt kế hoạch do sản lượng tăng thì chủ động thực hiện và báo cáo Giám đốc theo định kỳ (quý, năm).

- Đối với các khoản chi khác mà chi phí vượt kế hoạch: Giám đốc xem xét quyết định trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp.

4. Các khoản chi phí phải đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có chứng từ, chứng từ không hợp lệ thì không được hạch toán vào chi phí. Đối với các khoản chi sai, chi không đúng chế độ quy định thì người quyết định chi phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Công ty phải định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

6. Giám đốc có trách nhiệm xây dựng trình Hội đồng quản trị ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức lao động; định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh, làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, chủ động xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí phù hợp với thực trạng và hoạt động của doanh nghiệp.

7. Công ty có trách nhiệm xây dựng hệ thống kế toán quản trị và phân công, phân cấp thực hiện công tác quản trị doanh thu, chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và xác định rõ trách nhiệm của bộ phận chuyên môn nghiệp vụ trong việc quản trị doanh thu, chi phí.

Điều 29. Đồng tiền sử dụng trong hạch toán

- Các hoạt động kinh tế phải được phản ánh trên sổ kế toán và báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

- Trong trường hợp có các hoạt động kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo quy định.

CHƯƠNG V

LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 30. Lợi nhuận của Công ty

Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

1. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chênh lệch giữa doanh thu từ bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ.

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 31. Phân phối lợi nhuận của Công ty

1. Lợi nhuận sau khi bù đắp các khoản lỗ các năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng như sau:

a) Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

b) Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

c) Số lợi nhuận còn lại được trích lập các quỹ (quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ

đầu tư phát triển; quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành doanh nghiệp) và chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và để lại (nếu có).

2. Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trả cổ tức, tỷ lệ trích lập và sử dụng các quỹ do Giám đốc lập phương án trình Hội đồng quản trị phê duyệt, báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 32. Trích lập và sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

Đầu tư theo các mục tiêu, bổ sung vốn kinh doanh của Công ty nhằm đổi mới tài sản, phát triển kinh doanh;

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng theo quy định tại Điểm a,b,c Khoản này do Giám đốc quyết định.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong Công ty, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Giám đốc có trách nhiệm ban hành quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi phù hợp với quy định tại Quy chế này.

4. Giám đốc hàng năm báo cáo việc trích và sử dụng quỹ cho Hội đồng quản trị. Trên cơ sở phương án trích lập và sử dụng các quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định tại Quy chế này và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 33. Cổ tức

1. Cổ tức được chi trả từ lợi nhuận hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ theo quy định và bù lỗ các năm trước (nếu có).

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền, bằng cổ phần của Công ty hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác nhận mức cổ tức

được trả đối với từng phần, thời hạn và hình thức trả theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành .

4. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Công ty.

5. Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức. Trường hợp việc chi trả cổ tức không đúng quy định thì người ra quyết định và các đối tượng có liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường về các khoản thiệt hại đã gây ra.

Điều 34. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp Công ty kinh doanh bị thua lỗ, Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch, giải pháp khắc phục lỗ.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH DÀI HẠN, KẾ HOẠCH HÀNG NĂM, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 35. Kế hoạch tài chính

1. Kế hoạch tài chính dài hạn:

Căn cứ vào chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn (05 năm) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty phải xây dựng dự toán tài chính dài hạn (05 năm). Giám đốc có trách nhiệm tổ chức xây dựng dự toán tài chính dài hạn trình Hội đồng quản trị thông qua.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, lao động tiền lương và tài chính hàng năm:

Định kỳ hàng năm, Giám đốc Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của năm báo cáo và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, tiền lương và kế hoạch tài chính của Công ty cho năm tiếp theo phù hợp với kế hoạch dài hạn của Công ty để báo cáo Hội đồng quản trị. Giám đốc có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy trình lập kế hoạch hàng năm, bao gồm cả việc lập dự toán hàng năm theo quy định Điều lệ Công ty. Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, lao động, tiền lương và kế hoạch tài chính như quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt kế hoạch hàng năm của Công ty, là cơ sở để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của Công ty.

3. Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, tiền lương và kế hoạch tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, phê duyệt kế hoạch cho các đơn vị phụ thuộc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm của Công ty và định kỳ báo cáo trước Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 36. Công tác kế toán

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật. Trong công tác kế toán, Công ty phải tuân thủ các quy định, nguyên tắc, và phương pháp kế toán thể hiện trong các văn bản luật, chuẩn mực, thông tư, chế độ kế toán,... Việc tuân thủ luôn được thực hiện ở các khâu công việc như thu thập, xử lý, cung cấp, phân tích thông tin và kiểm tra kế toán.

2. Công ty xây dựng và ban hành các quy chế về phân cấp quản lý và hạch toán kế toán cho các đơn vị phụ thuộc.

3. Để thống nhất quản lý công tác thống kê, kế toán tài chính, bảo đảm công tác thống kê, kế toán tài chính là công cụ quản lý, giám sát chặt chẽ, có hiệu quả mọi hoạt động kinh tế, tài chính, cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, kịp thời, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý điều hành và lập báo cáo tài chính, Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể về công tác kế toán cho các đơn vị phụ thuộc.

4. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch đến ngày 31 tháng 12 cùng năm. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, báo cáo thống kê theo quy định hiện hành, theo Điều lệ và các quy định trong bản quy chế này. Báo cáo được gửi cho các cơ quan chức năng theo quy định của Luật Kế toán, các chế độ kế toán hiện hành có liên quan, theo yêu cầu của Chủ sở hữu vốn và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 37. Báo cáo tài chính năm, 6 tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp lý của số liệu báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng của Công ty và các thông tin tài chính khác.

Điều 38. Kiểm toán độc lập

Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm

tài chính.

Điều 39. Kiểm tra nội bộ

Công ty tổ chức thực hiện kiểm tra nội bộ tại Công ty và các đơn vị phụ thuộc theo yêu cầu quản lý. Mục tiêu kiểm tra nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Giám đốc và công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị.

Hàng năm Công ty tổ chức công tác kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các đơn vị về các mặt quản lý kinh tế, tài chính, kế toán để xem xét chấn chỉnh công tác hạch toán, quản lý nghiệp vụ.

Điều 40. Công tác kiểm tra khác

Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Công ty theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 41. Quản lý tài chính đối với các đơn vị phụ thuộc

1. Các đơn vị phụ thuộc Công ty là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản tại các đơn vị phụ thuộc do Công ty sở hữu.

2. Đơn vị phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mua sắm tài sản cố định, hạch toán kế toán, tổ chức nhân sự của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế, quy định về quản lý, quản trị nội bộ khác của Công ty, các quy định khác của pháp luật.

3. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị phụ thuộc theo phân cấp, ủy quyền của Công ty trong từng lĩnh vực được quy định tại Điều lệ, các quy chế, quy định quản lý nội bộ và các văn bản ủy quyền của Công ty (nếu có).

4. Cơ chế quản lý tài chính đối với các đơn vị phụ thuộc Công ty thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đơn vị phụ thuộc Công ty có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty theo quy định tại các quy chế, quy định về quản lý nội bộ của Công ty.

b) Đơn vị phụ thuộc thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, kế hoạch tài chính theo các quy định tại Chương VI Quy chế này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được tổng hợp trực tiếp trong báo cáo tài chính của Công ty.

c) Đơn vị phụ thuộc được Giám đốc Công ty ủy quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính theo sự phân cấp của Công ty.

e) Đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản, bảo toàn vốn theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

d) Quyền hạn và nhiệm vụ của đơn vị phụ thuộc được Công ty quy định cụ thể

trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị.

5. Định kỳ hàng quý, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc có trách nhiệm báo cáo và giải trình trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về hiệu quả sản xuất kinh doanh, nợ quá hạn, nợ khó đòi phát sinh trong kỳ của đơn vị.

6. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc bị xem xét miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (nếu có) trong trường hợp để phát sinh nợ phải thu khó đòi mà không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được, để đơn vị bị lỗ liên tục trong hai năm nhưng không giải trình được lý do khách quan với Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty, lỗ do không tuân thủ đầy đủ Điều lệ và các quy chế, quy định về quản lý của Công ty đã ban hành làm thất thoát vốn, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG VIII

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 42. Quyền hạn của Hội đồng quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.

2. Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn. Chịu trách nhiệm trước cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo thực hiện mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Trình Đại hội đồng cổ đông các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ; Các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; Quy định tại Quy chế này bao gồm: Báo cáo tài chính hàng năm; Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập và phương án sử dụng các quỹ, tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; Phương án xử lý trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ; Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền phân cấp tại Khoản 4 Điều này.

4. Quyết định theo thẩm quyền các vấn đề quy định tại Điều lệ; Các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; Các vấn đề quy định tại Quy chế này, cụ thể:

a) Quyết định hình thức, phương án và mức huy động vốn theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 6;

b) Quyết định việc đầu tư vốn, chuyển nhượng, thu hồi vốn đầu tư ra ngoài Công ty theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 7;

c) Quyết định các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13;

d) Quyết định việc đầu tư mua sắm, nâng cấp tài sản cố định theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13;

e) Quyết định việc thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định (nếu có) theo quy định tại Khoản 5 Điều 14;

f) Quyết định việc cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 15;

g) Quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định theo thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 17; việc sửa chữa tài sản cố định theo quy định tại Điều 16;

h) Quyết định việc xử lý tổn thất tài sản, bán các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2 Điều 24;

i) Thông qua các hợp đồng mua bán vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 19;

k) Ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài chính, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức lao động, năng suất lao động, các định mức chi phí tài chính và các định mức khác theo quy định tại Khoản 7 Điều 28;

l) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư, lao động tiền lương hàng năm của Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 35.

m) Cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

n) Thực hiện việc công bố, công khai các Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định;

o) Kiểm tra, giám sát Giám đốc, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước,

p) Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 43. Nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty.

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

c) Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản, Công ty thuộc diện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Giám đốc tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Quyền hạn của Giám đốc

1. Là người có quyền điều hành cao nhất trong việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư, các hoạt động sản xuất kinh doanh tài chính nhằm hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của Công ty theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã đề ra.

2. Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.

3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

4. Quyết định các vấn đề, nội dung được Hội đồng quản trị Công ty phân cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

5. Trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt các vấn đề vượt thẩm quyền.

6. Xây dựng trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh; trình Hội đồng quản trị phê duyệt các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức lao động, định mức khấu hao, chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh doanh của Công ty, làm căn cứ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, tài chính của Công ty.

7. Đề xuất tỷ lệ trích quỹ và phương án sử dụng các quỹ, báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Các quyền hạn khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 45. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

3. Khi Công ty không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho các chủ nợ biết và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty. Trong trường hợp này, Công ty không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý Công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường.

5. Chịu trách nhiệm trước cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật trong

việc điều hành hoạt động của Công ty.

6. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty.

7. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo tài chính năm của Công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

8. Giám đốc bị miễn nhiệm, cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

b) Để Công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hòa vốn; trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi đã xác định có lỗ.

c) Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản; Công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu.

d) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm, tuyển dụng giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng;

e) Không tổ chức xác định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác để trình Hội đồng quản trị ban hành; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý.

9. Trường hợp để Công ty thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm sau giảm hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận theo chỉ tiêu được giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì Hội đồng quản trị xem xét quyết định về việc hạ tiền lương và mức thưởng.

10. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, kéo dài dẫn đến chậm thu hồi vốn, không thu hồi được vốn, không trả được nợ.

11. Hàng năm Giám đốc Công ty phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty gửi Hội đồng quản trị.

12. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp

luật.

CHƯƠNG IX KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 46. Khen thưởng, kỷ luật

Chế độ khen thưởng, kỷ luật trong công tác quản lý tài chính thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 10 Chương, 47 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng, Phó các Phòng, và các bộ phận, cá nhân có liên quan của Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện bản Quy chế này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Công ty để xem xét xử lý./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Lê Tuấn